

PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1251/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**phê duyệt Quy hoạch cấp nước 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ,
miền Trung và phía Nam đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Xét đề nghị của Bộ Xây dựng tại Tờ
trình số 68/TTr-BXD ngày 17 tháng 7
năm 2008 về việc phê duyệt Quy hoạch
cấp nước 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc
Bộ, miền Trung và phía Nam đến năm
2020,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch cấp nước 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi quy hoạch

Quy hoạch cấp nước các đô thị, thành

phố, thị xã của các địa phương thuộc 3 vùng kinh tế trọng điểm, bao gồm.

- Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: bao gồm các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh.

- Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung: bao gồm các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: bao gồm thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Long An, Tiền Giang.

2. Mục tiêu quy hoạch

Định hướng phương án phát triển hợp lý hệ thống cấp nước đô thị (nguồn nước, nhà máy nước, tuyến truyền dẫn chính) của 3 vùng kinh tế trọng điểm phù hợp với phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố thuộc 3 vùng kinh tế trọng điểm đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Nội dung quy hoạch

a) Tiêu chuẩn cấp nước và dự báo nhu cầu sử dụng nước

Tiêu chuẩn chất lượng nước sạch dùng để thiết kế các công trình xử lý nước cấp cho ăn uống và sinh hoạt lấy theo tiêu chuẩn TCXDVN 33: 2006. Các tiêu chuẩn dùng nước chính:

TT	Đối tượng sử dụng nước và thành phần cấp nước	Giai đoạn	
		2010	2020
I.	Đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I, khu du lịch, nghỉ mát		
	a) Nước sinh hoạt:		
	- Tiêu chuẩn cấp nước (l/người/ngày): + Nội đô	165	200
	+ Ngoại vi	120	150
	- Tỷ lệ dân số được cấp nước (%): + Nội đô	85	99
	+ Ngoại vi	80	95
	b) Nước khu công nghiệp (m ³ /ha/ngđ)	22 ÷ 45	22 ÷ 45
c) Nước thất thoát; tính theo % của (a + b)	< 25	< 20	
II.	Đô thị loại II, đô thị loại III		
	a) Nước sinh hoạt:		
	- Tiêu chuẩn cấp nước (l/người/ngày): + Nội đô	120	150
	+ Ngoại vi	80	100
	- Tỷ lệ dân số được cấp nước (%): + Nội đô	85	99
	+ Ngoại vi	75	90
	b) Nước khu công nghiệp (m ³ /ha/ngđ)	22 ÷ 45	22 ÷ 45
c) Nước thất thoát; tính theo % của (a + b)	< 25	< 20	
III	Đô thị loại IV, đô thị loại V; điểm dân cư nông thôn		
	a) Nước sinh hoạt:		
	- Tiêu chuẩn cấp nước (l/người/ngày):	60	100
	- Tỷ lệ dân số được cấp nước (%):	70	90
b) Nước thất thoát; tính theo % của (a + b)	< 20	< 15	

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước 3 vùng kinh tế trọng điểm:

Nội dung	Vùng KTTĐ Bắc Bộ	Vùng KTTĐ miền Trung	Vùng KTTĐ phía Nam	Cộng
Năm 2010				
Dân số đô thị (triệu người)	6,27	2,27	12,57	21,11
Diện tích các KCN (ha)	6.500	5.700	25.800	38.000
Nhu cầu nước sinh hoạt (m ³ /ngđ)	893.000	373.000	2.056.000	3.322.000
Nhu cầu nước công nghiệp (m ³ /ngđ)	260.000	144.000	1.240.000	1.644.000
Các nhu cầu khác (m ³ /ngđ)	790.000	220.800	1.045.000	2.055.800
Tổng nhu cầu sử dụng nước sạch (m ³ /ngđ)	1.943.000	738.000	4.363.000	7.044.000
Năm 2020				
Dân số đô thị (triệu người)	8,39	3,74	17,30	29,43
Diện tích các KCN (ha)	16.500	11.236	50.324	78.060
Nhu cầu nước sinh hoạt (m ³ /ngđ)	1.366.000	762.000	3.415.000	5.543.000
Nhu cầu nước công nghiệp (m ³ /ngđ)	743.000	324.000	2.357.000	3.424.000
Các nhu cầu khác (m ³ /ngđ)	1.086.000	334.000	1.633.000	3.053.000
Tổng nhu cầu sử dụng nước sạch (m ³ /ngđ)	3.195.000	1.420.000	7.419.000	12.034.000

b) Nguồn nước

- Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

+ Sử dụng hợp lý nguồn nước ngầm có khả năng khai thác trên địa bàn.

+ Ưu tiên khai thác, sử dụng nguồn nước mặt từ các hồ chứa, các sông, chủ yếu tập trung khai thác các sông chính

sau: sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, sông Thái Bình, sông Đa Độ, sông Giá, sông Cầu và các sông khác thuộc khu vực.

- Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Khả năng khai thác nước ngầm trong khu vực là hạn chế. Nguồn khai thác

chính là từ các sông: sông Hương, sông Yên, sông Túy Loan, sông Cầu Đỏ, sông Cu Đê, sông Vĩnh Điện, sông Trà Khúc, và từ các hồ chứa nước tại chỗ.

- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

+ Nước ngầm có trữ lượng tương đối lớn và có thể khai thác tại Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, cần có kế hoạch khai thác và sử dụng hợp lý.

+ Ưu tiên khai thác, sử dụng nguồn nước mặt từ các hồ chứa, các sông như: sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Tiền và các sông suối khác; các hồ Phước Hòa, Dầu Tiếng, hồ Đá Đen, hồ Sông Ray...;

c) Công nghệ xử lý nước

Công nghệ xử lý chủ yếu sử dụng công nghệ xử lý truyền thống đối với nước ngầm và nước mặt, đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn TCXDVN 33: 2006 và 1329/2002/BYT/QĐ đối với nước sinh hoạt. Trong đó, đối với nước ngầm là Làm thoáng - Lắng - Lọc - Khử trùng, đối với nước mặt là Keo tụ - Lắng - Lọc - Khử trùng. Kết hợp trang bị các thiết bị tiên tiến hiện đại phục vụ công tác vận hành, quản lý.

d) Quy hoạch hệ thống cấp nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

- Hệ thống cấp nước liên đô thị trong vùng

+ Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị

Miêu Môn - Xuân Mai - Hòa Lạc - Sơn Tây - Hà Đông sử dụng nguồn nước sông Đà. Khu vực Dự án: nằm trên thành phố Hà Nội và tỉnh Hòa Bình thuộc châu thổ sông Hồng. Các hạng mục chính của dự án:

. Nguồn nước: nguồn nước sông Đà.

. Công trình thu và trạm bơm nước sông.

. Tuyến ống nước thô.

. Cải tạo hồ Đàm Bài.

. Nhà máy nước mặt sông Đà: 300.000 m³/ngđ giai đoạn I, 600.000 m³/ngđ giai đoạn II.

. Hệ thống mạng chuyên tại D1500mm - D1800mm.

. Các Dự án/tiểu Dự án phát triển mạng lưới tiếp nhận.

+ Hệ thống cấp nước vùng phía bắc sông Hồng.

. Nguồn nước: sử dụng nguồn nước sông Hồng hoặc sông Đuống, phạm vi phục vụ cấp nước cho các đô thị và khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc.

. Công suất: 300.000 m³/ngày giai đoạn I.

- Các hệ thống cấp nước chính vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

Hệ thống cấp nước	Công suất (m ³ /ngđ)		
	Hiện tại	2010	2020
Thành phố Hà Nội	635.000	1.066.000	1.626.000
Thành phố Hải Phòng	131.000	306.000	525.000
Thành phố Hải Dương	45.500	99.000	200.500
Tỉnh Quảng Ninh (Hạ Long, Móng Cái, Phả Lại, Cẩm Phả, Hoành Bồ)	128.000	296.000	475.000
Thành phố Bắc Ninh và phụ cận	31.000	48.000	70.000
Thị xã Hưng Yên và phụ cận.	7.000	40.000	55.000
Thành phố Vĩnh Yên, đô thị Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc	36.000	130.000	355.000

đ) Quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

- Hệ thống cấp nước liên đô thị trong Vùng

Đặc điểm tự nhiên và vị trí các đô thị, khu kinh tế trong vùng không thuận lợi cho việc xây dựng một hệ thống cấp nước liên đô thị. Do vậy, quy hoạch này không đề xuất một hệ thống cấp nước liên đô thị trong vùng.

- Các hệ thống cấp nước chính vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Hệ thống cấp nước	Công suất (m ³ /ngđ)		
	Hiện tại	2010	2020
Thành phố Huế và vùng phụ cận	98.000	177.000	323.000
Thành phố Đà Nẵng	86300	326300	396300
Tỉnh Quảng Nam (Điện Nam - Điện Ngọc, Hội An, Tam Kỳ, Tam Hiệp, Phú Ninh)	26000	96000	426000
Tỉnh Quảng Ngãi (Quảng Ngãi, Dung Quất)	45.000	45.000	175.000
Tỉnh Bình Định (Quy Nhơn, Phú Tài, Sông Côn)	53.000	63.000	143.000

e) Quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

- Hệ thống cấp nước liên đô thị trong Vùng

Phát triển từng bước hệ thống cấp nước chung cho vùng theo từng giai đoạn như sau:

- Giai đoạn đến 2010

+ Phát triển và hoàn chỉnh một bước hệ thống cấp nước tập trung tại mỗi tỉnh, với mục tiêu là đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch tại địa phương.

+ Xây dựng và đấu nối các tuyến ống truyền dẫn nước sạch giữa các đô thị/khu vực trong phạm vi mỗi tỉnh, như các tuyến Biên Hòa - Long Thành - Nhơn Trạch, hoặc Mỹ Xuân - Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Xây dựng và đấu nối các tuyến ống truyền dẫn nước sạch giữa các khu vực tiêu thụ chính của 2 tỉnh, thành phố liền kề, như các tuyến:

. Thành phố Hồ Chí Minh - Đức Hòa (Long An).

. Thành phố Hồ Chí Minh - Bến Lức (Long An).

. Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Giuộc (Long An).

. Phú Mỹ (Bà Rịa - Vũng Tàu) - Phước Thái (Đồng Nai) (hiện nay đã có).

. Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa (hiện nay đã có)

- Giai đoạn đến 2020:

+ Nghiên cứu, xem xét xây dựng các công trình truyền dẫn nước sạch đầu nối giữa các khu vực:

. Thành phố Hồ Chí Minh - Nam Bình Dương (Thuận An - Thủ Dầu Một - Mỹ Phước).

. Biên Hòa - Dĩ An - Thuận An - Thủ Dầu Một.

. Mỹ Tho (Tiền Giang) - Tân An (Long An).

+ Nghiên cứu chuẩn bị xây dựng các nhà máy nước công suất lớn từ 1.000.000 - 3.000.000 m³/ngày đêm có tính chất liên tỉnh.

+ Nguồn nước:

. Nguồn nước hồ Trị An - sông Đồng Nai (đoạn từ hồ Trị An đến Hóa An): cung cấp nước cho các đô thị, khu công nghiệp thuộc: phía Tây Đồng Nai, nam Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

. Nguồn nước hồ Dầu Tiếng - sông Sài Gòn: cung cấp nước phía Nam Bình Dương, Nam Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, Đông Long An.

. Nguồn nước sông Tiền: cung cấp nước cho phía Nam Tiền Giang, Nam Long An.

- Giai đoạn sau 2020:

Xây dựng và mở rộng những nhà máy nước công suất lớn 1.000.000 - 3.000.000 m³/ngđ cung cấp nước cho phạm vi rộng tại các khu vực.

- Các hệ thống cấp nước chính vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Hệ thống cấp nước	Công suất (m ³ /ngđ)		
	Hiện tại	2010	2020
Thành phố Hồ Chí Minh(*)	1.235.000	2.530.000	3.330.000
Tỉnh Đồng Nai (Biên Hòa, Long Bình, Thiện Tân - Nhơn Trạch, Long Khánh)	259.000	515.000	990.000
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (thành phố Vũng Tàu, thị xã Bà Rịa và vùng phụ cận)	155.000	180.000	345.000
Tỉnh Bình Dương (thị xã Thủ Dầu Một và vùng phụ cận)	46.600	96.600	326.600
Tỉnh Tây Ninh (thị xã Tây Ninh và vùng phụ cận)	7.000	133.000	230.000
Tỉnh Bình Phước (thị xã Đồng Xoài và vùng phụ cận)	5.000	65.000	130.000
Tỉnh Long An (thị xã Tân An và vùng phụ cận)	31000	179000	542000
Tỉnh Tiền Giang (thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công và vùng phụ cận)	80.000	230.000	230.000

(*) Công suất các nhà máy nước tại thành phố Hồ Chí Minh được tính cho các giai đoạn 2015 và 2025, tương ứng với các giai đoạn 2010 và 2020 trong bảng.

g) Tổng hợp khái toán chi phí đầu tư

TT	Hệ thống cấp nước	Chi phí đầu tư (triệu VNĐ)	
		2010	2020
1	Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	9.672.000	7.181.000
2	Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung	1.785.000	6.175.000
3	Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	18.727.000	24.159.000
4	Tổng 3 vùng kinh tế trọng điểm	30.184.000	37.515.000

Điều 2. Cơ chế chính sách

Nhà nước khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển cấp nước đồng bộ, có hiệu quả, bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh môi trường;

Các dự án đầu tư phát triển cấp nước được hưởng chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 17/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

Điều 3. Tổ chức thực hiện**1. Bộ Xây dựng**

- Quản lý đồ án quy hoạch cấp nước 3 vùng kinh tế trọng điểm đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Hướng dẫn các địa phương rà soát, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng, quy hoạch chuyên ngành cấp nước trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch cấp nước vùng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Chủ trì lựa chọn chủ đầu tư các dự án cấp nước vùng liên tỉnh và chỉ đạo thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong các Vùng kinh tế trọng điểm:

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng, quy hoạch chuyên ngành cấp nước trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện các dự án cấp nước trên địa bàn tỉnh theo quyết định hiện hành.

3. Các Bộ, Ban ngành liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình, phối hợp với Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong các Vùng kinh tế trọng điểm thực hiện theo quy hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, các Bộ có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc 3 vùng kinh tế trọng điểm và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hoàng Trung Hải